

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 161/2025/HN-ST

Ngày: 27/6/2025

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Lâm Sơn, bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Nguyễn Phương Vy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 307/2025/TLST-HN ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2025/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1987, cư trú: số A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Phạm Minh T, sinh năm 1986, cư trú: số C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 26/3/2025, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng V trình bày:

Bà và ông T tự tìm hiểu, sống chung với nhau từ năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông T sống chung đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, đi làm không đưa tiền cho bà để phụ chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xảy ra cự cãi, hiện tại ông T chỉ ở nhà, không đi làm. Từ năm 2023 thì bà về nhà mẹ ruột sinh sống, thỉnh thoảng có về lại nhà gia đình chồng. Đến khoảng tháng 2/2025 thì mâu thuẫn trầm trọng nên bà và ông T đã ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn không đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà Lê Thị Hồng V và ông Phạm Minh T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Hồng V có đơn yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh T, ông T cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Bà Lê Thị Hồng V có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại khoản 1 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phạm Minh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà V và ông T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2015, đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại công văn số 09/UBND-HT ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã A thể hiện nội dung, qua tra cứu sổ bộ hộ tịch lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã A từ năm 2007 đến nay thì ông T và bà V không có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Theo công văn số 244/UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã L thể hiện nội dung, sau khi tra cứu dữ liệu hộ tịch điện

tử và sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L thì không tìm thấy thông tin kết hôn của bà V. Do đó, hôn nhân giữa bà V, ông T đã vi phạm quy định pháp luật về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà V và ông T là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con chung: không có con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Lê Thị Hồng V và ông Phạm Minh T là vợ chồng.

Về án phí sơ thẩm: bà Lê Thị Hồng V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024360 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thanh Tuyên**